

Bản án số: 678/2020/DS-ST

Ngày: 27/8/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1344/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 80/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 234/2020/UQ-TTT ngày 01/01/2020).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 2.11 Lô A, số 01-02 Cách Mạng Tháng 8, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn ông C vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng A có ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 22/11/2010 ông Nguyễn Văn C có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.535.608 đồng. Hàng tháng vào ngày 15 thì ngân hàng gửi thông báo giao dịch thẻ cho ông C và ông C phải thanh toán số tiền đến hạn như được nêu theo thông báo giao dịch thẻ. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo qui định (Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A) về chi tiết lãi, phí được nêu trong tóm tắt sao kê.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 15/3/2016 thì ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 78.496.313 đồng. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (trừ phí lãi trước, giao dịch sau). Cụ thể sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn 2.242.825 đồng, trừ phí khác 1.741.000 đồng, phí vượt hạn mức 850.000 đồng, lãi trong hạn 14.609.505 đồng, sau đó số tiền thanh toán còn lại 59.052.983 đồng sẽ được trừ vào số tiền mà ông C giao dịch. Sau khi trừ hết các khoản đã nêu thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của ông C còn lại là 12.482.625 đồng (gọi là gốc).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/03/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 12.482.625 đồng còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 29/5/2020, ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 12.482.625 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 29/5/2020 với mức lãi suất 3.225%/ tháng số tiền là 20.611.584 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả số tiền nêu trên 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ 30/5/2020 ông C phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc nêu trên cho đến

khí thanh toán hết cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu ông C trả nợ Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp và Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông C và Ngân hàng không biết ông C có vợ hay không và nếu ông C có vợ thì cũng không yêu cầu vợ của ông C cùng có trách nhiệm với ông C giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông C không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B trình bày như sau: Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng A số tiền 304.301.919 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 472074-5338 gồm: Nợ gốc 12.482.625 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 27/8/2020 của số nợ gốc 12.482.625 đồng với mức lãi suất 3.225%/tháng số tiền là 21.819.294 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện ông Nguyễn Văn C trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/11/2010 được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Đương sự Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 tạm trú tại 2.11 Lô A số 01-02 Cách Mạng Tám, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 7/2016 cho đến nay.*”.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông C cư trú địa chỉ tại số 2.11 Lô A số 01-02 Cách

Mạng Tám, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn ông C được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 34.301.919 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 472074-5338 gồm: Nợ gốc 12.482.625 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 27/8/2020 của số nợ gốc 12.482.625 đồng với mức lãi suất 3.225%/tháng số tiền là 21.819.294 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/11/2010 của ông C đối với Ngân hàng A thì ông C được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 12.000.000 đồng với số tài khoản thẻ 3368282947, số thẻ 472074-5338.

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*; và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;”* và tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định như sau: *“Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ”*, và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: *“Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”*;

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A qui định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: “ *Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ...*”, tại Điều 18 qui định về phương thức thanh toán như sau: “ *Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...*”, tại Điều 19 về số tiền thanh toán như sau: “ *Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...* ”, tại Điều 20 qui định về áp dụng thanh toán như sau: “ *Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.*”, và tại Điều 23 qui định về vi phạm như sau: “ *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...* ”, thì đối chiếu theo các bảng tóm tắt sao kê và thông báo giao dịch thẻ của ông Nguyễn Văn C có số chứng minh nhân dân 000000001, số thẻ 472074-5338 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì thể hiện ông C bắt đầu kích hoạt, sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 15/12/2010 để thực hiện các giao dịch và đến ngày 15/11/2015 thì ông C không thực hiện giao dịch thẻ nữa. Theo thông báo giao dịch thẻ ngày 15 hàng tháng thì ông C phải thanh toán trước ngày 10 hàng tháng khi nhận thông báo. Thời gian ông C sử dụng thực hiện các giao dịch qua tài khoản thẻ tín dụng từ ngày 15/12/2010 cho đến ngày 15/3/2016 ông C giao dịch tổng số tiền là 71.535.608 đồng và ông C thanh toán tổng số tiền 78.496.313 thì theo bảng tóm tắt sao kê của ông C thì được Ngân hàng thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn 2.242.825 đồng, trừ phí khác 1.741.000 đồng, phí vượt hạn mức 850.000 đồng, lãi trong hạn 14.609.505 đồng, sau đó thanh toán số tiền còn lại 59.052.983 đồng sẽ được trừ vào số tiền mà ông C giao dịch. Sau khi trừ hết các khoản trên thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của ông C còn nợ gốc là 12.482.625 đồng và từ ngày 15/11/2015 ngưng thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông C phải trả số nợ gốc 12.482.625 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với qui định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng qui định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: *“Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.”* và tại Điều 23 về vi phạm như sau: *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...*

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...”, thì đối chiếu bảng tóm tắt sao kê giao dịch của ông C, thể hiện ngày 15/11/2015 ông C có thanh toán lần cuối cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng và ngưng thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 16/3/2016 và Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với số nợ gốc 12.482.625 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với qui định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng A về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank qui định mức lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Vì

vậy, Ngân hàng yêu cầu ông C trả tổng số tiền lãi quá hạn là 21.819.294 đồng, tính với mức lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng của số nợ gốc 12.482.625 đồng tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 27/8/2020 là phù hợp với qui định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận số tiền là 1.715.096 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 34.301.919 đồng gồm: Nợ gốc 12.482.625 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 27/8/2020 số tiền 21.819.294 đồng của thẻ tín dụng số thẻ 472074-5338 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/11/2010. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi, phí phát sinh số dư nợ gốc số tiền 12.482.625 đồng của thẻ tín dụng số thẻ 472074-5338 cho Ngân hàng A theo mức lãi suất được qui định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/11/2010 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 1.715.096 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng A tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp 720.338 đồng theo biên lai thu tiền số 0017734 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành